

PHÂN BIỆT NHỮNG CẶP TỪ DỄ NHẦM LẤN TRONG TIẾNG ANH

Tài liệu chuyên đề ôn thi Tiếng Anh - Sinh động & Dễ hiểu

1. Accommodation vs. Accommodations (Chỗ ở)

- **Accommodation:** Danh từ không đếm được (Anh-Anh) chỉ chỗ ở nói chung.

Ví dụ: Finding cheap accommodation in London during the summer is quite difficult.

→ Lỗi dịch: Tìm kiếm chỗ ở giá rẻ ở London vào mùa hè là khá khó khăn.

- **Accommodations:** Danh từ số nhiều (Anh-Mỹ) chỉ các phòng ốc cụ thể.

Ví dụ: The hotel offers luxury accommodations for VIP guests.

→ Lỗi dịch: Khách sạn cung cấp các phòng nghỉ sang trọng dành cho khách VIP.

2. Arrive vs. Reach (Đến nơi)

- **Arrive:** Nội động từ, đi kèm với giới từ **at/in**.

Ví dụ: We will arrive in Hanoi early tomorrow morning.

→ Lỗi dịch: Chúng tôi sẽ đến Hà Nội vào sáng sớm mai.

- **Reach:** Ngoại động từ, theo sau là tân ngữ trực tiếp **không cần giới từ**.

Ví dụ: They finally reach the summit after a long climb.

→ Lờ dịch: Cuối cùng họ đã lên đến đỉnh núi sau một cuộc leo núi dài.

3. Check in vs. Check out (Nhận phòng vs. Trả phòng)

- **Check in:** Làm thủ tục nhận phòng hoặc lên máy bay.

Ví dụ: Guests must check in after 2 PM at the reception desk.

→ Lờ dịch: Khách phải làm thủ tục nhận phòng sau 2 giờ chiều tại quầy lễ tân.

- **Check out:** Làm thủ tục trả phòng và thanh toán rồi đi.

Ví dụ: Please remember to check out before 11 AM on your departure day.

→ Lờ dịch: Xin vui lòng nhớ trả phòng trước 11 giờ sáng vào ngày bạn khởi hành.

4. Fare vs. Fee vs. Price (Chi phí / Giá cả)

- **Fare:** Tiền vé đi lại (xe buýt, tàu, máy bay).

Ví dụ: Train fares have increased by 10% this year.

→ Lờ dịch: Tiền vé tàu đã tăng 10% trong năm nay.

- **Fee:** Tiền phí dịch vụ, học phí.

Ví dụ: Students have to pay tuition fees at the beginning of each semester.

→ Lờ dịch: Học sinh phải đóng học phí vào đầu mỗi học kỳ.

- **Price:** Giá cả hàng hóa thông thường.

Ví dụ: The price of smartphones has dropped significantly.

→ Lỗi dịch: Giá của điện thoại thông minh đã giảm đáng kể.

5. Ride vs. Drive (Lái phương tiện)

- **Ride:** Dùng cho phương tiện ngồi dạng chân (xe đạp, xe máy, ngựa).

Ví dụ: He loves to ride his bicycle to school every morning.

→ Lỗi dịch: Anh ấy thích đi xe đạp đến trường vào mỗi buổi sáng.

- **Drive:** Dùng cho phương tiện có vô lăng (ô tô, xe tải, xe buýt).

Ví dụ: My father taught me how to drive a car when I was 18.

→ Lỗi dịch: Bố tôi đã dạy tôi cách lái ô tô khi tôi 18 tuổi.

6. Route vs. Root (Tuyến đường vs. Rễ cây)

- **Route:** Lộ trình, tuyến đường di chuyển.

Ví dụ: This bus route takes you directly to the city center.

→ Lỗi dịch: Tuyến xe buýt này đưa bạn đi thẳng đến trung tâm thành phố.

- **Root:** Rễ cây hoặc nguồn gốc vấn đề.

Ví dụ: Strong trees have deep roots in the ground.

→ Lỗi dịch: Những cái cây khỏe mạnh có rễ cắm sâu vào lòng đất.

Xin lưu ý những người sử dụng: chương trình tiếng Anh tương tác “From ZERO to MASTER” này chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome + Fire Fox + Cốc Cốc + Opera...

Nhưng không thể chạy được trên chương trình cũ Internet Explorer.

Nếu các bạn có những thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin mời liên hệ với Mr. Lê Đại Phong.

Composed by Mr. Lê Đại Phong – www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE → – phone & Zalo 0971386608**